

Số: 3069/BC-SGDĐT

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO
Tổng kết Vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2023

Thực hiện Công văn số 6077/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 31/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức Hội nghị tổng kết Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2023 và Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu theo hướng dẫn tại Mục II Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT trong năm 2023, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tổng số học sinh: tính đến ngày 15/11/2023 toàn tỉnh có 270.074 HS các cấp học được huy động ra lớp đạt 102,63% kế hoạch (*KH năm 2023 là 263.145HS*), cụ thể:

- THPT và tương đương: 33.630 HS đạt 109,3% kế hoạch;
- THCS: 78.947 HS đạt 104,9% kế hoạch;
- Tiểu học: 112.549 HS đạt 100,1% kế hoạch;
- Mẫu giáo, nhà trẻ: 44.948 cháu đạt 100,7% kế hoạch. Trong đó: Nhà trẻ 2.933 cháu đạt 88,63 % kế hoạch. Mẫu giáo 5 tuổi là 18.417 cháu.

2. Trường lớp: toàn tỉnh có 478 trường (460 trường công lập, 18 ngoài công lập (NCL) với 8.332 nhóm-lớp (*giảm 01 trường THCS công lập so với năm học 2022-2023, do sáp nhập trường*), cụ thể:

- THPT: 40 trường (39 công lập, 01 NCL)/821 lớp.
- THCS: 108 trường (106 công lập, 02 NCL)/2.045 lớp.
- Tiểu học: 199 trường (197 công lập, 02 NCL)/ 3.858 lớp.
- Mầm non – Mẫu giáo: 131 trường (118 công lập, 13 NCL)/1.608 nhóm-lớp (*Nhà trẻ 152 nhóm, Mẫu giáo: 1.456 lớp*).

Trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện đến thời điểm tháng 11 năm 2023 có 381/460 trường, đạt tỷ lệ 82,82%¹.

3. Đội ngũ giáo viên: Toàn ngành có 17.544 cán bộ, giáo viên và nhân viên trong đó tỷ lệ giáo viên là người dân tộc chiếm hơn 28%. Nhìn chung, đội ngũ giáo viên đều có trình độ đào tạo đảm bảo theo yêu cầu.

¹ Mầm non: 97/118 trường, tỷ lệ 82,20%; Tiểu học: 168/197 trường, tỷ lệ 85,28%; THCS: 87/106 trường, tỷ lệ 82,07%; THPT: 29/39 trường, tỷ lệ 74,36%

II. BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Sở GDĐT đã xây dựng Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 trong toàn ngành (*Kế hoạch số 156/KH-SGDĐT ngày 07/4/2022*) trên cơ sở căn cứ Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2022 của Bộ GDĐT về việc ban hành Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 14/8/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sóc Trăng thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025.

Sở GDĐT ban hành Quyết định kện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ (VSTBPN) ngành Giáo dục (*Quyết định số 822/QĐ-SGDĐT ngày 25/4/2023*). Bên cạnh đó, đã ban hành Kế hoạch số 521/KH-SGDĐT ngày 14/3/2023 về Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới năm 2023 ngành Giáo dục tỉnh Sóc Trăng.

III. CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Sở GDĐT phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện và hoàn thiện thể chế về bình đẳng giới.

Phối hợp với Công đoàn ngành Giáo dục trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; nhiều đơn vị còn có hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nữ cán bộ, nhà giáo, người lao động.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện các quy định về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ.

IV. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 383/QĐ-BGDĐT

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

1.1. Sở GDĐT đã chỉ đạo các trường học đặc biệt là người đứng đầu tăng cường trách nhiệm về công tác cán bộ nữ và thực hiện bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, giáo viên và nhân viên theo thẩm quyền. Tạo cơ hội cho cán bộ quản lý, giáo viên nữ tham gia xây dựng các chương trình, chính sách góp phần cải thiện điều kiện sống và làm việc, nâng cao sức khỏe và phát huy trí tuệ, năng lực của phụ nữ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

1.2. Tiếp tục kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban VSTBPN của ngành và các đơn vị, trường học, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ của trung ương, của tỉnh và của Bộ GDĐT.

1.3. Các đơn vị, cơ sở giáo dục đào tạo, nhất là các cơ quan quản lý giáo dục đã luôn quan tâm bố trí, sử dụng cán bộ nữ nhằm nâng cao tỷ lệ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

1.4. Các đơn vị, trường học cơ bản đã xây dựng được cơ sở dữ liệu về nữ công chức, viên chức của Sở, ngành Giáo dục để làm cơ sở phân tích để quy

hoạch, kiện toàn cơ cấu nữ công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ nữ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.

2. Tình hình xây dựng, ban hành, thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

2.1. Triển khai Kế hoạch hành động VSTBPN và bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 của Bộ GDĐT. Trên cơ sở đó, Sở GDĐT xây dựng Kế hoạch hành động VSTBPN và bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 ngành Giáo dục tỉnh Sóc Trăng (*Kế hoạch số 756/KH-SGDĐT ngày 21/4/2022*).

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 14/8/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025. Từ năm 2022 đến 2025, UBND tỉnh giao cho Sở GDĐT thực hiện nội dung tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên về giảng dạy các nội dung bình đẳng giới, tổng kinh phí 200 triệu đồng (50 triệu đồng/năm).

2.2. Sở GDĐT triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Chỉ đạo lồng ghép các chỉ tiêu về bình đẳng giới trong Kế hoạch phát triển giáo dục của các cơ sở giáo dục hàng năm.

2.3. Xây dựng và ban hành Kế hoạch số 521/KH-SGDĐT ngày 14/3/2023 về kế hoạch hành động VSTBPN và bình đẳng giới năm 2023 ngành Giáo dục tỉnh Sóc Trăng.

3. Bảo đảm nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người

3.1. Các cơ sở giáo dục mầm non đã thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tiễn; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non, hình thành ở trẻ hiểu biết về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong hoạt động học và sinh hoạt.

3.2. Thực hiện các giải pháp đánh giá, giám sát, hỗ trợ để tăng tỷ lệ huy động trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo đến trường, tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trẻ mẫu giáo 05 tuổi và hướng đến phổ cập giáo dục trẻ mẫu giáo 04 tuổi. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ xóa mù chữ, tăng cường phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho phụ nữ, trẻ em gái và người dân tộc thiểu số ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn; tiếp tục thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Triển khai có chất lượng và hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp và đa dạng hoá hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận khai thác các nguồn học liệu đa dạng, phong phú; phát triển khả năng tự học và

ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện hoàn cảnh của bản thân; những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân; khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

3.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức tốt việc học tập suốt đời cho người lớn, phấn đấu mỗi người, mỗi gia đình, làng (xóm, thôn, bản), xã (phường, thị trấn) trở thành công dân học tập, gia đình học tập và đơn vị học tập.

3.5. Đẩy mạnh xã hội học tập theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” tỉnh Sóc Trăng; đổi mới, đa dạng hoá hình thức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; quan tâm xoá mù chữ và giáo dục sau biết chữ đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái người dân tộc thiểu số.

3.6. Phát triển khá các dịch vụ GDDT để đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng núi, vùng có điều kiện khó khăn, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ giáo dục có chất lượng.

3.7. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách tín dụng giáo dục cho người học; chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

3.8. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số.

3.9. Tăng cường các chương trình giáo dục, tuyên truyền, chăm sóc sức khỏe, phát triển thể chất, nâng cao thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên đáp ứng mục tiêu của Đề án “Phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030”.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới

4.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”; rà soát, đánh giá kết quả đạt được và tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 33/QĐTTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025”; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục 2019; thực hiện lộ trình nâng cao trình độ chuẩn của giáo viên mầm

non, phổ thông theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. Sở GDĐT tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/02/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Sóc Trăng đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện CTGDPT 2018 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

4.2. Thực hiện đổi mới chương trình giáo dục và đào tạo, phương pháp giảng dạy theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực; chú trọng các kỹ năng mềm cho người học.

4.3. Khuyến khích cán bộ, giáo viên nữ phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục.

5. Tăng cường phối hợp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước nhằm tạo động lực cho phụ nữ phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc

5.1. Triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”; phong trào thi đua “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà” gắn với phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”; cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

5.2. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” theo Quyết định số 1299/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh.

5.3. Sở đã ban hành Kế hoạch số 1617/KH-SGDĐT ngày 08/8/2019 của Sở GDĐT về việc thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019 - 2025 của ngành Giáo dục tỉnh Sóc Trăng” và tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030” trong ngành Giáo dục và nhiều công văn chỉ đạo khác.

6. Đẩy mạnh tập huấn, kiểm tra để thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ

6.1. Sở GDĐT đã tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức giới, bình đẳng giới và kỹ năng lồng ghép giới trong việc lập kế hoạch của nhà trường, kế hoạch giảng dạy tích hợp cán bộ quản lý về bình đẳng giới, cán bộ làm công tác bình đẳng giới và thành viên Ban VSTBPN của các đơn vị.

6.2. Sở GDĐT chưa tổ chức được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho nữ lãnh đạo quản lý (chỉ mới lồng ghép chung nhiều đối tượng).

6.3. Sở GDĐT phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và thành viên Ban VSTBPN.

6.4. Sở GDĐT phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh triển khai các hoạt động của Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025.

6.5. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới được Sở GDĐT tiến hành lồng ghép, tích hợp trong một số đợt thanh tra chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục (phối hợp với Thanh tra Sở). 100% các đơn vị, trường học được kiểm tra nghiêm túc thực hiện việc quản lý, giám sát, đánh giá tổ chức thực hiện Luật Bình đẳng giới tại nhà trường.

Trong năm 2023, Ban VSTBPN ngành sẽ tiến hành kiểm tra chuyên đề các cơ sở giáo dục về hoạt động VSTBPN của các đơn vị trong tháng 12/2023 (theo kế hoạch).

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

7.1. Tổ chức Tháng hành động về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới từ ngày 15/11 đến ngày 15/12/2023:

Treo băng rôn tuyên truyền các thông điệp, chủ đề cho Tháng hành động theo hướng dẫn.

Tổ chức tuyên truyền trong các cơ sở giáo dục những nội dung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với trình độ văn hóa, tâm lý của từng đối tượng và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị nhằm đạt hiệu quả cao.

7.2. Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền các chính sách, pháp luật về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, phân biệt đối xử về giới; ảnh hưởng của bạo lực trên cơ sở giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ nhằm thúc đẩy mọi người dân thay đổi hành vi thực hiện bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

7.3. Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về Luật Bình đẳng giới; Bộ luật Lao động (sửa đổi) năm 2019, đặc biệt quan tâm đến nội dung mới về BDG; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20 tháng 01 năm 2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 1994 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ nữ.

7.4. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông... tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, học viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thông tin, kiến thức về bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới trong chương trình, sách giáo khoa mới.

V. KHÓ KHĂN, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Một số khó khăn

Trong công tác quy hoạch Cán bộ quản lý, một số nơi vẫn chưa quan tâm nhiều đến tỷ lệ nữ, dẫn đến tỷ lệ phụ nữ tham gia vào vị trí lãnh đạo chủ chốt chưa cao.

Bản thân một số cán bộ nữ còn có tư tưởng an phận, chưa tự khắc phục khó khăn vươn lên trong công tác.

2. Nguyên nhân

Sự nỗ lực của từng cá nhân phụ nữ, những áp lực từ thiên chức làm mẹ, làm vợ cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng đáng kể đến việc nữ cán bộ viên chức tham gia vào vai trò lãnh đạo, quản lý.

Việc thi hành Luật tại một số đơn vị đôi lúc chưa được quan tâm thúc đẩy và duy trì, việc gắn kết công tác bình đẳng giới với hoạt động quản lý ở một vài cơ sở giáo dục còn chưa thường xuyên. Nhiều cơ quan, đơn vị Trưởng ban VSTBPN không phải là người đứng đầu, do vậy tính chủ động trong công việc chưa cao, công tác triển khai quy hoạch, cũng như các hoạt động còn hạn chế.

Công tác phổ biến tuyên truyền về thực hiện công tác bình đẳng giới ở một số cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, hoạt động của Ban VSTBPN ở một số cơ quan, đơn vị, cấp cơ sở còn lúng túng, mờ nhạt, chưa hiệu quả.

Bộ phận cán bộ giúp việc thực hiện Bình đẳng giới và VSTBPN hầu hết là kiêm nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng trong việc tham mưu thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu theo hướng dẫn tại Mục II Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT trong năm 2023 ngành Giáo dục tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Ban VSTBPN Bộ GDĐT;
- Vụ TCCB, Bộ GDĐT;
- Thành viên BVSTBPN ngành GD;
- Lưu: VP. DTTX.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Thu Hằng